

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

Tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Tòa nhà Tín Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hoàng Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Lân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/10/2017)
Ông Phạm Ngọc Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/10/2017)
Ông Trần Minh Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01/8/2017)
Ông Trần Bảo Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/8/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hoàng Sơn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/8/2017)
Ông Trần Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/8/2017)
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/10/2017)
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19/10/2017)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hoàng Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban điều hành cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban điều hành



Phạm Hoàng Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Số: 032 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban điều hành
Các cổ đông
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương,
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781
Fax: (84-24) 3577 0787

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Tel : (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel : (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Đức Tiến

Giám đốc Chi nhánh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Ngọc Thạch

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		299.195.576.680	671.670.144.415
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	293.940.897.578	664.844.425.832
1. Tiền	111		3.350.312.881	794.425.832
2. Các khoản tương đương tiền	112		290.590.584.697	664.050.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.043.514.466	6.264.468.751
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.197.216.400	34.289.236
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	846.298.066	6.230.179.515
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.211.164.636	561.249.832
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.178.337.177	528.422.373
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	32.827.459	32.827.459
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		809.905.812.200	228.640.309.714
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		572.300.000.000	-
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	572.300.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		106.893.316	220.125.506
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	106.893.316	220.125.506
- Nguyên giá	222		9.654.363.687	9.597.363.687
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.547.470.371)	(9.377.238.181)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		41.733.000	41.733.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.733.000)	(41.733.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		237.498.918.884	228.420.184.208
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	237.498.918.884	228.420.184.208
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.109.101.388.880	900.310.454.129

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		17.465.352.339	19.517.776.349
I. Nợ ngắn hạn	310		17.465.352.339	19.517.776.349
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		215.577.865	84.711.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	89.021.105
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	54.397.427	5.627.050
4. Phải trả người lao động	314		-	2.196.410.372
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	14.822.788.649	14.723.317.544
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.372.588.398	2.418.688.398
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.091.636.036.541	880.792.677.780
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	1.091.636.036.541	880.792.677.780
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.285.641.372	7.644.654.711
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.069.929.634	2.069.929.634
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.719.534.465)	(28.921.906.565)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(30.562.893.226)	(30.562.893.226)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.843.358.761	1.640.986.661
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.109.101.388.880	900.310.454.129

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị







Nguyễn Đức Nhơn

Đào Minh Tùng

Phạm Hoàng Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	281.735.739
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	281.735.739
4. Giá vốn hàng bán	11		-	258.647.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	23.088.239
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	32.530.264.994	21.290.454.462
7. Chi phí tài chính	22		99.576	-
8. Chi phí bán hàng	25	19	-	600.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	21.720.806.657	19.689.445.033
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (22 + 25 + 26)}	30		10.809.358.761	1.623.497.668
11. Thu nhập khác	31		34.000.000	33.916.435
12. Chi phí khác	32		-	16.427.442
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		34.000.000	17.488.993
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.843.358.761	1.640.986.661
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		10.843.358.761	1.640.986.661
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	22	109	25

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đức Nhơn

Đào Minh Tùng

Phạm Hoàng Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lãi/ (Lỗ) trước thuế	01	10.843.358.761	1.640.986.661
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	170.232.190	366.693.909
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	99.576	(490.514)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(32.530.264.994)	(21.289.963.948)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(21.516.574.467)	(19.282.773.892)
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(664.953.204)	(2.745.755.260)
- (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.221.901.875)	(1.326.334.363)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(46.100.000)	(31.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.449.529.546)	(23.386.363.515)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(584.383.083.975)	(3.502.282.133)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(197.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	197.000.000.000	162.970.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.929.184.843	21.289.963.948
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(546.453.899.132)	180.757.681.815
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	200.000.000.000	460.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	200.000.000.000	460.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(370.903.428.678)	617.371.318.300
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	664.844.425.832	47.472.617.018
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(99.576)	490.514
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	293.940.897.578	664.844.425.832

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị







Nguyễn Đức Nhơn

Đào Minh Tùng

Phạm Hoàng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000541, ngày 14 tháng 5 năm 2008 (đăng ký thay đổi và điều chỉnh lần thứ 06 số 3601010336 ngày 12 tháng 7 năm 2017) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3601010336 thay đổi lần thứ 06 ngày 12 tháng 7 năm 2017 vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 VNĐ, tương đương 110.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu 10.000 đồng.

Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn thêm 200.000.000.000 VNĐ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 33/NQ-PAP ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc thông qua “Phương án tăng vốn điều lệ từ 900 tỷ đồng lên 1.100 tỷ đồng” bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty TNHH MTV Hoành Sơn (Cổ đông chi phối). Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty TNHH MTV Hoành Sơn đã góp đủ số vốn điều lệ tăng thêm.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 50 người (tại ngày 01/01/2017 là 70 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics và các dịch vụ khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Khai thác Cảng và khu hậu cần.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đầu tư xây dựng phát triển Cảng và khu hậu cần; Đầu tư xây dựng và vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí) và các dịch vụ hậu cần; Đại lý tàu biển; Cho thuê các phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp nâng hạ.
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải đường ống
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Cho thuê xe có động cơ
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép
- Xây dựng nhà các loại: Đầu tư nhà ở công nhân viên, nhà làm việc và nhà văn phòng (trong khu vực cảng)
- Sửa chữa máy móc, thiết bị: Sửa chữa trang thiết bị cho công trình dầu khí.
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa phương tiện thủy.
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Lắp đặt trang thiết bị cho công trình dầu khí và phương tiện thủy.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp.
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
Công ty con Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An	Đồng Nai	36	Trên 50 (chi phối)	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, san lấp, thi công công trình

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Cổ đông chiếm 60,00 % vốn chủ sở hữu
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông chiếm 31,82 % vốn chủ sở hữu
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Cổ đông chiếm 6,82 % vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông	Công ty sở hữu 10 % vốn điều lệ của Công ty
Công nghệ cao	Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Cùng Chủ tịch HĐQT, Công ty mẹ của Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn
Các Công ty có vốn đầu tư của Công ty CP Tập đoàn Hoàn Sơn và Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Có cùng chủ sở hữu
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất như trình bày tại thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	205.704.689	55.236.156
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.144.608.192	739.189.676
Các khoản tương đương tiền (i)	290.590.584.697	664.050.000.000
	293.940.897.578	664.844.425.832

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tiết kiệm 182.590.584.697 VND có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất 4,7%/năm và khoản tiền Công ty con đầu tư tài chính ngắn hạn theo hợp đồng số 17/HĐ-PBOT ngày 08/12/2017, với số tiền là 108.000.000.000 VND, thời hạn đầu tư 03 tháng với lãi suất 5,3%/năm.

6. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Trả trước người bán ngắn hạn	3.197.216.400	34.289.236
Công ty CP Đầu tư Phát triển và Xây dựng Đồng Nai	2.200.000.000	-
Trả trước người bán khác	997.216.400	34.289.236
b) Trả trước người bán dài hạn	572.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn (i)	572.300.000.000	-
	575.497.216.400	34.289.236

(i) Đây là khoản tạm ứng 50% giá trị theo Hợp đồng số 04/2017/HĐXD-PAP ngày 5/10/2017 giữa Công ty và Nhà thầu là Liên Doanh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn ("Nga Sơn") và Công ty Cổ phần Núi Hồng ("Núi Hồng") về việc thi công xây lắp Phân kỳ 1- Dự Án Cảng Phước An. Theo hợp đồng, Nga Sơn là thành viên đứng đầu liên danh.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	55.000.000	-	80.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	66.175.000	-	16.175.000	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	9.961.600	-
Lãi dự thu	725.123.066	-	6.124.042.915	-
	846.298.066	-	6.230.179.515	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Tăng	Giảm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế TNDN nộp thừa	32.827.459	-	-	32.827.459
	32.827.459	-	-	32.827.459
		Số phải nộp	Số thực nộp	Số đầu năm
	Số cuối năm	trong năm	trong năm	VND
b) Phải nộp	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	54.397.427	303.481.249	254.710.872	5.627.050
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	54.397.427	306.481.249	257.710.872	5.627.050

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	9.269.649.688	327.713.999	9.597.363.687
- Mua trong năm	57.000.000	-	57.000.000
Tại ngày cuối năm	9.326.649.688	327.713.999	9.654.363.687
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	9.081.860.049	295.378.132	9.377.238.181
- Khấu hao trong năm	150.666.530	19.565.660	170.232.190
Tại ngày cuối năm	9.232.526.579	314.943.792	9.547.470.371
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	187.789.639	32.335.867	220.125.506
Tại ngày cuối năm	94.123.109	12.770.207	106.893.316

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 8.881.570.051 VND (tại ngày 01/01/2017 là 7.968.579.142 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán có nguyên giá 41.733.000 VND, toàn bộ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng	151.500.864.166	151.500.864.166	143.519.515.297	143.519.515.297
Lập dự án đầu tư	11.150.794.545	11.150.794.545	11.150.794.545	11.150.794.545
Chi phí triển khai dự án	18.658.044.965	18.658.044.965	18.658.044.965	18.658.044.965
Khảo sát địa chất	15.009.077.229	15.009.077.229	15.009.077.229	15.009.077.229
Rà soát bom mìn	16.100.764.040	16.100.764.040	16.100.764.040	16.100.764.040
Thiết kế bản vẽ thi công	16.377.837.951	16.377.837.951	16.165.143.740	16.165.143.740
Chi phí khác	8.701.535.988	8.701.535.988	7.816.844.392	7.816.844.392
	237.498.918.884	237.498.918.884	228.420.184.208	228.420.184.208

Các chi phí này liên quan đến việc thực hiện dự án Cảng Phước An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị hợp lý (i)</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị hợp lý (i)</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao	8.000.000.000	(i)	(8.000.000.000)	8.000.000.000	(i)	(8.000.000.000)
	<u>8.000.000.000</u>		<u>(8.000.000.000)</u>	<u>8.000.000.000</u>		<u>(8.000.000.000)</u>

Số vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao được góp theo mệnh giá với tỷ lệ vốn góp là 10% vốn điều lệ. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao, tuy nhiên theo báo cáo tài chính năm 2016, thì Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao đã có số lỗ lũy kế vượt gấp 04 lần số vốn chủ sở hữu, do đó, Công ty vẫn duy trì mức trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 100% đối với Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương (i)	13.345.884.000	13.345.884.000
Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Nhơn Trạch (ii)	1.377.433.544	1.377.433.544
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	99.471.105	-
	14.822.788.649	14.723.317.544

(i) Đây là khoản tiền của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương góp vốn để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 08 năm 2011 tại Dự Án Cảng Phước An với tư cách nhà đầu tư thứ cấp.

(ii) Đây là khoản tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của một số hộ dân nằm trong diện tích giải tỏa tại Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An và tuyến đường kết nối vào cảng, xã Long Thọ và xã Phước An, huyện Nhơn Trạch nhưng các hộ dân này chưa nhận tiền đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Tòa nhà Tín Nghĩa, KCN Nhơn Trạch 3,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	440.000.000.000	7.644.654.711	2.069.929.634	(30.562.893.226)	419.151.691.119
Tăng vốn (i)	460.000.000.000	-	-	-	460.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.640.986.661	1.640.986.661
Số dư tại ngày đầu năm nay	900.000.000.000	7.644.654.711	2.069.929.634	(28.921.906.565)	880.792.677.780
Tăng vốn (ii)	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.843.358.761	10.843.358.761
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	1.640.986.661	-	(1.640.986.661)	-
Số dư tại ngày cuối năm nay	1.100.000.000.000	9.285.641.372	2.069.929.634	(19.719.534.465)	1.091.636.036.541

- (i) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, toàn bộ số vốn 460.000.000.000 VND tăng trong năm 2016 từ việc phát hành cổ phiếu cho Cổ đông chiến lược đã được Công ty giải ngân và sử dụng hết vào đầu tư phân kỳ 1 - dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ Hậu cần Cảng theo đúng như mục đích sử dụng vốn đã được đề cập trong Phương án tăng vốn điều lệ và được thông qua trong Nghị Quyết số 058/NQ-PAP ngày 10/3/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty.
- (ii) Trong năm Công ty thực hiện tăng vốn thêm 200.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 33/NQ-PAP ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc thông qua “Phương án tăng vốn điều lệ từ 900 tỷ đồng lên 1.100 tỷ đồng” bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn (Cổ đông chi phối) theo Tờ trình số 22/TTr-HĐQT ngày 06 tháng 01 năm 2017. Theo Nghị Quyết này, thì mục đích tăng vốn để đảm bảo vốn đối ứng cho việc triển khai đồng bộ giữa đầu tư xây dựng phân kỳ 1 và bồi thường giải phóng mặt bằng phần đất còn lại của dự án. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã sử dụng 17.409.415.303 VND thu được từ đợt tăng vốn này bổ sung vốn lưu động, còn lại 182.590.584.697 VND đang được Công ty gửi tại ngân hàng theo các hợp đồng tiết kiệm có kỳ hạn.
- (iii) Công ty thực hiện phân phối toàn bộ lợi nhuận năm 2016 để tăng vốn kinh doanh theo nghị quyết số 33/NQ-PAP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.000.000	90.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.000.000</i>	<i>90.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.000.000	90.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.000.000</i>	<i>90.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3601010336 thay đổi lần thứ 06 ngày 12 tháng 7 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 VNĐ, tương đương 110.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Tại ngày cuối năm</u>		<u>Tại ngày đầu năm</u>	
	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỉ lệ</u>	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỉ lệ</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Hoàng Sơn	660.000.000.000	60,00%	460.000.000.000	51,11%
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	350.000.000.000	31,82%	350.000.000.000	38,89%
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	75.000.000.000	6,82%	75.000.000.000	8,33%
Các cổ đông khác	15.000.000.000	1,36%	15.000.000.000	1,67%
	<u>1.100.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>900.000.000.000</u>	<u>100%</u>

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ USD	1.808,33	1.821,52

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, chưa phát sinh doanh thu hoạt động chính và Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.501.115.911	2.159.926.612
Chi phí nhân công	10.513.110.455	11.523.581.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.232.190	366.693.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.380.169.864	5.730.913.785
Chi phí khác bằng tiền	156.178.237	167.576.711
	<u>21.720.806.657</u>	<u>19.948.692.533</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.530.264.994	21.289.963.948
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	490.514
	32.530.264.994	21.290.454.462

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	600.000
	-	600.000
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	10.513.110.455	11.523.581.516
Chi phí vật liệu quản lý	1.501.115.911	2.159.926.612
Chi phí đồ dùng văn phòng	125.343.637	144.712.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	170.232.190	366.693.909
Thuế, phí và lệ phí	30.834.600	22.863.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.380.169.864	5.471.666.285
	21.720.806.657	19.689.445.033

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi/ (Lỗ) trước thuế	10.843.358.761	1.640.986.661
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	(10.843.358.761)	(1.640.986.661)
Cộng: chi phí không được trừ	1.548.500.000	24.000.000
Chuyển lỗ các năm trước	(12.391.858.761)	(1.664.986.661)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN		
Thuế suất phổ thông	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

21. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại với số tiền 16.400.045.945 VND (Năm 2016: 28.791.904.706 VND) vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Số lỗ còn được chuyển tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2016	Số lỗ được chuyển đến 31/12/2017	Số lỗ chuyển trong năm tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang năm sau
Năm	VND	Năm	VND	VND	VND	VND
2013	(7.762.415.185)	2014 - 2018	(1.664.986.661)	(6.097.428.524)	(6.097.428.524)	-
2014	(10.992.872.717)	2015 - 2019	-	(10.992.872.717)	(6.294.430.237)	(4.698.442.480)
2015	(11.701.603.465)	2016 - 2020	-	(11.701.603.465)	-	(11.701.603.465)
	(30.456.891.367)		(1.664.986.661)	(28.791.904.706)	(12.391.858.761)	(16.400.045.945)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.843.358.761	1.640.986.661
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	99.917.808	65.366.120
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>109</u>	<u>25</u>

23. CAM KẾT GÓP VỐN VÀO CÔNG TY CON

Theo biên bản họp Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An ngày 11 tháng 9 năm 2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn sẽ góp vốn 108.000.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Hằng Nga sẽ góp 3.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, hai Cổ đông trên chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	293.940.897.578	664.844.425.832
Phải thu khách hàng và phải thu khác	791.298.066	6.140.217.915
	<u>294.732.195.644</u>	<u>670.984.643.747</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	15.038.366.514	14.808.029.424
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>15.038.366.514</u>	<u>14.808.029.424</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Tổng
	VND	VND
Tại ngày cuối năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	293.940.897.578	293.940.897.578
Phải thu khách hàng và phải thu khác	791.298.066	791.298.066
	294.732.195.644	294.732.195.644
Tại ngày cuối năm		
Phải trả người bán và phải trả khác	15.038.366.514	15.038.366.514
	15.038.366.514	15.038.366.514
Chênh lệch thanh khoản thuần	279.693.829.130	279.693.829.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày đầu năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	664.844.425.832	664.844.425.832
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.140.217.915	6.140.217.915
	<u>670.984.643.747</u>	<u>670.984.643.747</u>
Tại ngày đầu năm		
Phải trả người bán và phải trả khác	14.808.029.424	14.808.029.424
	<u>14.808.029.424</u>	<u>14.808.029.424</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>656.176.614.323</u>	<u>656.176.614.323</u>

25. GIAO DỊCH, CAM KẾT VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài cam kết và giao dịch đã trình bày tại thuyết minh số 6 và 14, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn		
Hợp tác đầu tư	197.000.000.000	-
Thu hồi hợp tác đầu tư	197.000.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	5.919.733.332	-
Đầu tư tài chính	108.000.000.000	-
Mua hàng	1.452.500.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu về đầu tư tài chính ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	108.000.000.000	-

Thu nhập của Ban điều hành trong năm được hưởng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập ban điều hành và thành viên chủ chốt	2.247.240.543	1.989.262.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 215.577.865 VND là số tiền dùng để chi xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi dự thu trong năm không bao gồm 725.123.066 VND là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất, vì vậy số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

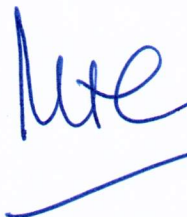
Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đức Nhơn

Đào Minh Tùng

Phạm Hoàng Sơn